TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2019/QĐST-KDTM	*Quận 8, ngày 22 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Kim Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Văn Rỹ**

2. Bà **Đặng Thu Vân**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 26 và điểm e khoản 1.4 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2018/TLST-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng N**

Trụ sở: Đường K, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Hoàng V**, sinh năm 1975; địa chỉ: phường, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 142/UQ-VCB-PC ngày 01/3/2016 và Giấy ủy quyền số 15/UQ-TĐU-KH ngày 07/5/2019).

Bị đơn: **Công ty T**

Trụ sở: Đường D, Phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Trần Q**, sinh năm 1974; địa chỉ: phường B, huyện D, tỉnh H; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27/10/2019).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên thống nhất xác định theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 038/042/13/0000208 ngày 15/5/2013 mà các bên đã ký kết và 42 Giấy nhận nợ từ số 62 đến số 103 của Công ty T, tính đến ngày 22/11/2019 tổng số tiền nợ lãi Công ty T còn nợ Ngân hàng N là 4.058.069.021đ (Bốn tỷ không trăm năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn không trăm hai mươi mốt đồng).

2.2 Về phương thức thanh toán: Công ty T phải trả nợ cho Ngân hàng N trong vòng 60 tháng, 03 tháng trả 01 lần, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ngày 22/02/2020, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 2: Ngày 22/5/2020, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 3: Ngày 22/8/2020, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 4: Ngày 22/11/2020, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 5: Ngày 22/02/2021, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 6: Ngày 22/5/2021, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 7: Ngày 22/8/2021, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 8: Ngày 22/11/2021, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 9: Ngày 22/02/2022, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 10: Ngày 22/5/2022, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 11: Ngày 22/8/2022, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 12: Ngày 22/11/2022, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 13: Ngày 22/02/2023, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 14: Ngày 22/5/2023, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 15: Ngày 22/8/2023, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 16: Ngày 22/11/2023, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 17: Ngày 22/02/2024, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 18: Ngày 22/5/2024, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 19: Ngày 22/8/2024, thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Đợt 20: Ngày 22/11/2024, thanh toán số tiền 258.069.021đ (Hai trăm năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn không trăm hai mươi mốt đồng).

Trường hợp Công ty T vi phạm tối đa 02 kỳ trả nợ liên tiếp theo lịch trả nợ nêu trên thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho thu hồi ngay một lần toàn bộ số nợ mà Công ty T còn nợ Ngân hàng N.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng N phải chịu 56.029.035đ (Năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn không trăm ba mươi lăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.466.000đ (Năm mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014169 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ngân hàng N đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 2.436.965đ (Hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng).

- Công ty T phải chịu 56.029.035đ (Năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn không trăm ba mươi lăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA DS Q.8;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Kim Nguyên